

mại về đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài như sau:

Thương nhân Việt Nam được đặt gia công hàng hóa với các doanh nghiệp chế xuất mà không bị ràng buộc theo điều kiện đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài quy định tại Mục 6.b Thông tư số 26/1999/TT-BTM ngày 19/8/1999 của Bộ Thương mại.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 39/2000/QĐ-NHNN7
ngày 24/1/2000 về chế độ tiết kiệm
bằng ngoại tệ.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này điều chỉnh các hoạt động nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ giữa Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối (sau đây gọi chung là Tổ chức tín dụng được phép) với Người cư trú là cá nhân được gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ.

Điều 2. Người gửi tiết kiệm.

Người cư trú là cá nhân dưới đây được gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ tại các Tổ chức tín dụng được phép:

1. Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam;
2. Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng;
3. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên;
4. Công dân Việt Nam đi du học, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài (không kể thời hạn).

5. Công dân Việt Nam làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, lực lượng vũ trang và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài và những cá nhân đi theo họ.

Điều 3. Lãi suất, kỳ hạn và loại ngoại tệ gửi tiết kiệm.

Tổng giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức tín dụng được phép được quyền quy định mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm, kỳ hạn tiết kiệm và các loại ngoại tệ nhận gửi tiết kiệm, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước có quy định khác.

Điều 4. Quyền của người gửi tiết kiệm.

1. Được gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ không kể nguồn gốc tại Tổ chức tín dụng được phép;
2. Được hưởng lãi suất bằng ngoại tệ và được rút ra cả gốc và lãi bằng ngoại tệ.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ chức tín dụng được phép.

1. Căn cứ vào Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan, Tổ chức tín dụng được phép ban hành Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ;
2. Công bố công khai loại ngoại tệ nhận gửi tiết kiệm, lãi suất và kỳ hạn của từng loại ngoại tệ;
3. Giữ bí mật theo quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn tiền gửi tiết kiệm cho người gửi tiết kiệm.
4. Báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước các số liệu liên quan đến hoạt động huy động và chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ theo quy định hiện hành về chế độ báo cáo thống kê.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các văn bản quy phạm pháp luật sau đây của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Quyết định số 08/NH-QĐ ngày 14/1/1991 về việc ban hành Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi; Thông tư số 75/NH-TT ngày 16 tháng 3 năm 1991 hướng dẫn thi hành Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi; Quyết định số 08/QĐ-NH7 ngày 25/1/1992 về việc sửa đổi một số nội dung của Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Điều 7. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

TRẦN MINH TUẤN